| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TTT**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2019.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Văn Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm..

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa*:** Bà Néang Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 181/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2019 về: *"Tranh chấp ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX- DS ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Quách Bảo Ng, sinh năm: 1992; địa chỉ cư trú: Đường BTH, tổ A, khóm A, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

*Bị đơn*: Ông Trần Minh L, sinh năm: 1991; địa chỉ cư trú: Tổ MB, ấp AT, xã CL, huyện TT, tỉnh An Giang.

*(Bà Ng có mặt; ông L vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 21/5/2019 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, bà Quách Bảo Ng trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông L được hình thành là do tự tìm hiểu yêu thương nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2008. Từ trước nay không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến khi bà sinh con khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L làm thuê có thu nhập nhưng không phụ giúp bà trong việc nuôi con, bỏ mặt mọi việc cho bà lo rồi bà bỏ về cha mẹ ruột sống, kể từ đó bà với ông L ly thân nhau. Đến năm 2015 ông L lên Bình Dương tiếp tục làm thuê với nghề làm cửa sắt

có thu nhập nhưng vẫn bỏ mặt bà, bà có liên lạc khuyên ngăn, nhưng ông L không nghe, nay xét tình cảm giữa bà với ông L không còn, bà xin ly hôn với ông L.

*Về quan hệ con chung*: Bà với ông L có 01 con chung tên Quách Bảo Kh, sinh ngày 13/4/2010, hiện do bà nuôi. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi và yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà với ông L không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Trần Minh L để tham gia hòa giải, nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà Ng bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

*Về tố tụng*: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

*Về nội dung*: Bà Ng – ông L chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, nên không xem là hôn nhân hợp pháp. Bà Ng xin ly hôn, đề nghị tuyên không công nhận bà Ng – ông L là quan hệ vợ chồng; hai người có con chung tên Quách Bảo Kh từ nhỏ do bà Ng nuôi, nên đề nghị giao con chung cho bà Ng tiếp tục nuôi và ông L có nghĩ vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng đề nghị HĐXX quyết định; về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà Ng khởi kiện: "Tranh chấp ly hôn" với ông L, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông L có địa chỉ cư trú tại xã CL, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết đúng thẩm quyền. Ông L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Ng – ông L được hình thành là do hai người tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2008 và hai người chung sống nhau kể từ đó; lẽ ra bà Ng – ông L phải tuân thủ pháp luật, đăng lý kết hôn theo quy định, nhưng giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Ng trình bày từ trước đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Trình bày của bà Ng phù hợp với kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT ngày 27/6/2019, nơi bà Ng có đăng ký hộ khẩu, nên HĐXX áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân

và gia đình tuyên không công nhận bà Quách Bảo Ng – ông Trần Minh L là quan hệ vợ chồng.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Quách Bảo Kh, từ khi ly thân đến nay do bà Ng nuôi, tình cảm giữa cháu Kh với bà Ng thật sự gắn bó, hiện cháu Kh cũng được bà Ng chăm sóc chu đáo và đưa đi học ổn định, ý nguyện của cháu Kh khi cha mẹ ly hôn yêu cầu được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao cháu Kh cho bà Ng tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp, nhằm không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như để cho cháu Kh phát triển tốt về sau.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà Ng biết: Trong thời gian nuôi con, bà Ng cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, và tại phiên tòa bà Ng giữ nguyên yêu cầu cấp dưỡng, nên HĐXX nghĩ buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật không được thấp hơn 50% mức lương cơ sở, hiện tại mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/01 tháng, do đó HĐXX buộc ông L phải cấp dưỡng cho bà Ng nuôi cháu K mỗi tháng 745.000 đồng , kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp.

[4]. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Bà Ng khai không có tài sản chung và không có nợ chung, tuy nhiên do ông L vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cặp ở phần quyết định. Nếu sau này ông L có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung và có nợ chung và ông L có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Bà Ng là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và ông L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên!

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu của bà Quách Bảo Ng.

*Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Quách Bảo Ng - ông Trần Minh L là quan hệ vợ chồng;

*Về quan hệ con chung*: Bà Quách Bảo Ng được nuôi con chung tên Quách Bảo Kh, sinh ngày 13/4/2010.

Buộc ông Trần Minh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng, kể từ bản án có hiệu lực, đến khi cháu Quách Bảo Kh đủ 18 tuổi.

Bà Ng cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về án phí*: Bà Quách Bảo Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011941 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (*bà Ng nộp đủ*). Ông Trần Minh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/8/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND TT TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

**Lê Văn Huệ**